

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2022/DS - PT

Ngày: 30/12/2022

“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Lý

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế và bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Lê Ngọc Kim Loan.

Ngày 26 và ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2022/TLPT - DS ngày 03/10/2022 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS - ST ngày 03/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ H , tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 54/2022/QĐXX - PT ngày 26 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1952;

Nơi cư trú: Xóm B V , xã H T, huyện Đ H , tỉnh Thái Nguyên. *(Có mặt tại phiên tòa)*

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:**

+ Ông Mai Tiến D, sinh năm 1977; *(Có mặt tại phiên tòa)*

+ Ông Tạ Quang T, sinh năm 1983; *(Có mặt tại phiên tòa)*

Đều là Luật sư – Công ty Luật TNHH Đức Thành – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; Địa chỉ: P 4518 Tòa C2 VinhomesD’Capitale T D H, C G, H N.

2. Bị đơn: Tổng Công ty L N V N - Công ty cổ phần.

Địa chỉ trụ sở: Số 127 L Đ, phường Đ M, quận H B T, thành phố H N.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc K – Chức vụ Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Huy B, sinh năm 1980;

Chức vụ hiện nay: Giám đốc Công ty L N V N – Chi nhánh của Tổng Công ty L N V N – Công ty cổ phần.

(Có mặt tại phiên tòa)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Tổ 2, thị trấn T C, huyện Đ H , tỉnh Thái Nguyên. *(Có mặt tại phiên tòa)*

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1971; *(Vắng mặt)*

Nơi cư trú: Xóm B V , xã H T, huyện Đ H , tỉnh Thái Nguyên.

4.2. Bà Dương Thị S, sinh năm 1951;(*Vắng mặt*)

Nơi cư trú: Xóm B V , xã H T, huyện Đ H , tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của Nguyên đơn, lời khai của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị N tại phiên tòa trình bày:

Năm 1998, theo chủ trương chính sách, tôi được Lâm trường Đ H giao 6,8ha đất rừng sản xuất tại khoảnh 3 tiểu khu 413 thuộc Thôn B V, xã H T, huyện Đ H , tỉnh Thái Nguyên để canh tác và trồng rừng. Diện tích đất giao này được thể hiện thông qua sổ xanh giao đất của Lâm trường Đ H ngày 20/5/1998. Với mỗi 1ha đất rừng được giao, tôi phải trả cho Lâm trường 30.000 đồng (Ba mươi nghìn đồng), tổng cộng là 204.000 đồng cho 6,8ha. Sau khi nhận đất, cùng năm đó gia đình tôi có tự ương cây mỡ để trồng.

Năm 1999, vì không có điều kiện, không có kinh phí làm rừng, nên gia đình tôi có làm hợp đồng vay vốn Ngân hàng qua Lâm trường với diện tích 1,65ha nhưng sau đó đã trả xong sản phẩm cho Lâm trường. Kể từ thời điểm trả xong sản phẩm, gia đình tôi đã tự bỏ vốn để trồng tiếp các chu kỳ sau cho đến tận bây giờ. Vào năm 2001, tôi trồng 1ha cây mỡ và 0,92ha trồng cây keo trong tổng diện tích nêu trên. Thời điểm này, Lâm trường không nghiệm thu với diện tích 0,92ha trồng keo mà chỉ giao cho Quản đốc phân trường I là ông Phan Văn T thu lại của gia đình tôi 260.640 đồng tiền phân bón và 460.000 đồng tiền cây con. Số tiền này tôi đã nộp cho Phân trường I qua ông T vào 21/6/2005. Sau đó toàn bộ diện tích còn lại trong 6,8ha được Lâm trường giao lúc đầu, gia đình tôi tiếp tục tự bỏ vốn ra canh tác từ năm 2007 đến nay mà không có tranh chấp với ai cũng như không có ai có ý kiến gì. Trong suốt thời gian này, ngoài diện tích được cấp sổ xanh, gia đình tôi còn tự khai hoang, mở rộng thêm khoảng 6,42 ha rừng cùng tiểu khu 413 để trồng keo. Tổng diện tích mà gia đình tôi đang quản lý sử dụng đến thời điểm hiện tại là 13,22ha.

Kể từ thời điểm nhận được đất giao từ Lâm trường Đ H và tự khai khẩn thêm cho đến năm 2018, số tiền mà gia đình tôi phải tự bỏ ra đầu tư mỗi một ha rừng là 25.000.000 đồng, tổng 13,22ha là 330.000.000 đồng. Tiền tự mở và tu sửa khoảng hơn 1 Km đường rừng khoảng 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu = 800 tiếng máy x 500.000đ). Nhưng vào các năm 2011, 2014 và năm 2015, khi các cây rừng trên đất tôi trồng được khai thác, Công ty L N V N – Chi nhánh Tổng Công ty L N V N ép gia đình tôi phải lấy tiền đầu tư, trả sản phẩm mới được khai thác. Chi nhánh của Tổng Công ty L N V N buộc gia đình tôi phải ký vào hợp đồng khống: Không có số lô, số thửa, không có diện tích, không có vị trí đất, không có ngày tháng trước khi khai thác cây nhưng lại có mức khoán sản phẩm rất cao. Nếu không ký hợp đồng này, Công ty không làm giấy khai thác, UBND xã H T cũng từ chối thực hiện thủ tục cho khai thác cây rừng. Do đó, tôi buộc phải ký vào các hợp đồng trắng này để khai thác cây rừng. Hợp đồng ký trắng này Công ty giữ và không đưa cho gia đình tôi giữ bản nào.

Vào năm 2016, Chi nhánh Tổng Công ty L N V N là Công ty L N V N đã tự ý vào diện tích đất của gia đình tôi để đo đạc và cắm mốc với lý do Công ty cho rằng diện tích tôi đang canh tác là đất thuộc quyền quản lý của Công ty và Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2011. Tuy nhiên, thực tế tôi là người quản lý, sử dụng, canh tác trên đất nhưng lại không được biết và cũng không ai được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận này.

Không đồng ý với cách làm việc của Tổng Công ty, tôi đã có đơn đề nghị UBND xã H T giải quyết tranh chấp nhưng không thành. Sau nhiều lần hòa giải tại xã, năm 2018, UBND xã H T đã đề nghị Công ty L N V N thực hiện đo hiện trạng toàn bộ diện tích 13,22ha mà gia đình tôi đang canh tác là diện tích tranh chấp thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 01, giải thửa 2006 của xã H T. Phần đất này đã được cấp Giấy chứng nhận số BA 866776 cho Tổng Công ty L N V N vào ngày 15/12/2011. Việc cấp giấy chứng nhận nhưng lại không có trích lục thửa đất, không có mốc giới, ranh giới xác định vị trí đất.

Việc Tổng Công ty L N V N tự làm các thủ tục cấp xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với toàn bộ diện tích đất rừng sản xuất của tôi ở trên là không đúng pháp luật, buộc gia đình tôi phải ký không các hợp đồng đầu tư, trồng rừng rồi thu sản lượng là không đúng quy định của pháp luật. UBND tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 866776 cho Tổng Công ty L N V N vào ngày 15/12/2011 là cấp không đúng đối tượng. Các hành vi vi phạm trên của Tổng Công ty L N V N, UBND tỉnh Thái Nguyên đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của tôi. Bà N yêu cầu Tòa án:

- + Xác định 13,22 ha đất rừng sản xuất theo hiện trạng đo ngày 09/10/2018 trong đó có 6,8ha được Lâm trường Đ H cấp sổ xanh và 6,42ha đất khai hoang đều thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 01 giải thửa 2006 thuộc xã H T thuộc quyền sử dụng của tôi. Đồng thời xác định toàn bộ cây rừng trên đất thuộc quyền sở hữu của tôi, tôi có toàn quyền quản lý, khai thác và hưởng giá trị sản phẩm mang lại trên đất.

- + Tuyên hủy các bản hợp đồng gia đình tôi đã ký với Công ty L N V N từ năm 2011 là vô hiệu do bị lừa dối.

- + Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 866776 đã cấp cho Tổng Công ty L N V N ngày 15/2/2011.

Tôi nhất trí với kết quả đo đạc của Công ty TNHH H N C đo đạc xác định diện tích đất tranh chấp là **126.708,3 m²** theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/6/2020.

*** Đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty L N V N – ông Phạm Huy B trình bày:** Tổng Công ty L N V N - Công ty cổ phần không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Thứ nhất, về nguồn gốc đất: Diện tích đất do Chi nhánh Tổng Công ty L N V N - Công ty L N V N (Sau đây gọi tắt là “Công ty L N V N”, “Công ty”) quản lý có nguồn gốc được ghi nhận qua các văn bản sau:

- Quyết định số 11TCCQ ngày 12/1/1973 về việc Hợp nhất 2 Lâm trường P và T C thành Lâm trường Đ H.

- Quyết định số 634UB.QĐ ngày 8/12/1992 của UBND tỉnh B T v/v thành lập doanh nghiệp Nhà nước Lâm trường Đ H. Tổng diện tích được giao tại huyện Đ H là 13.065ha

- Quyết định số 3225/QĐ-UB ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên v/v chuyển giao Lâm trường Đ H về Tổng Công ty L N V N Bàn giao nguyên trạng, nguyên canh nguyên cư về TCT Lâm nghiệp Việt Nam.

- Biên bản bàn giao Lâm trường Đ H thuộc sở NN và PTNT tỉnh Thái Nguyên về Tổng Công ty L N V N .

- Quyết định số 231/QĐ/BNN, TCCB ngày 20/1/1999 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v đổi tên Lâm trường Đ H thành Công ty L N V N

- Quyết định số 248/QĐ/BNN-TCCB ngày 28/1/2003 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v sáp nhập Công ty vận tải và kinh doanh lâm sản V T vào Công ty L N V N và bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty V D Thái Nguyên

- Quyết định số 141HĐQT/TCLĐ/QĐ ngày 10/6/2004 của Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty L N V N v/v hợp nhất Lâm trường Đ H và Lâm trường P B trụ thuộc Công ty V D Thái Nguyên.

- Công văn số 34 CTVD/CV ngày 21/1/2005 V/v Tăng cường biện pháp quản lý sử dụng rừng và đất rừng Công văn đã gửi đến sở ban ngành, UBND huyện Đ H , Chi cục K L, H K I Đ H. Các xã K M, V H, C T, T L, H T với nội dung trước đây Lâm trường Đ H giao đất, giao rừng bằng sổ “ Lâm bạ” đến ngày 30/03/2005 không còn giá trị mà chuyển thành hình thức “ Hợp đồng giao khoán”.

- Công văn số 1294/UBND-NLN ngày 28/11/2005 V/v phối hợp giải quyết vùng nguyên liệu của nhà máy V D Thái Nguyên với các ngành, các cấp chính quyền trong tỉnh Thái Nguyên.

- Kết luận thanh tra số 1655/STNMT-TTr ngày 17/7/2009 của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên về việc chấp hành luật về đất đai đối với Công ty V D Thái Nguyên ngày 22/12/1998 Theo kết luận thanh tra Sở TN&MT tổng diện tích Công ty quản lý tại xã H T là 2.211,08ha và kết luận việc Lâm trường Đ H sử dụng mẫu giao đất, giao rừng của UBND huyện Đ H là sai mẫu giao khoán trồng và bảo vệ rừng. Thực chất là hợp đồng giao khoán trồng và bảo vệ rừng.

- Quyết định số 1386/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 24/5/2010 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v chuyển đổi Công ty V D Thái Nguyên thuộc Tổng công ty Lâm nghiệp VN thành Công ty TNHH một thành viên

- Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 15/2/2011 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc cấp GCN cho Công ty TNHH MTV V D Thái Nguyên, tại xã H T, huyện Đ H Với diện tích được cấp 12.919.983,0 m²

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã H T

- Quyết định số 259/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 13/2/2012 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v sáp nhập Công ty TNHH một thành viên V D Thái Nguyên vào Công ty mẹ - Tổng công ty Lâm nghiệp VN

- Quyết định số 121/QĐ/HĐTV-TCLĐ ngày 06/03/2012 của Chủ tịch Hội đồng thành viên TCT lâm nghiệp VN v/v thành lập Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp VN - Công ty L N V N

- Văn bản số 3231/UBND - NC ngày 21/11/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc sử dụng đất sau khi cổ phần hóa Công ty L N V N

- Quyết định số 1136/QĐ/HĐTV-UBND ngày 21/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên v/v thu hồi đất do Chi nhánh TCT lâm nghiệp VN Công ty L N V N tự nguyện trả lại, giao đất cho UBND các xã H T, T L, C T, V H, K M huyện Đ H để quản lý theo quy hoạch.

- Quyết định 215 /QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 02 tháng 03 năm 2016 về việc phê duyệt Phương án Cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty L N V N .

- Công văn số 643/UBND-TNMT ngày 20/5/2016 của UBND huyện Đ H về việc tăng cường công tác phối hợp thực hiện lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính và cấp GCNQSD đất đối với Công ty L N V N năm 2016.

- Thông báo số 38TB/TCT-VP ngày 09/9/2016 của Tổng Giám đốc TCT lâm nghiệp VN v/v chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần, giới thiệu mẫu dấu, các chức danh và chữ ký.

Thứ hai, về hiện trạng sử dụng đất và việc giao khoán trồng rừng:

Công ty L N V N đã ký Hợp đồng giao nhận khoán với bà Nguyễn Thị N theo các Hợp đồng sau:

+ Hợp đồng số 13/2014-HĐ ký ngày 04/02/2014 tại lô A9, A17, khoảnh 3, tiểu khu 195, diện tích 3,62 ha (36.200 m²). Tại vị trí này, năm 2022 bà Nguyễn Thị N khai thác trả sản phẩm, thanh lý hợp đồng nhưng chống đối không ký lại hợp đồng với Công ty L N V N mà chiếm đất tự ý trồng rừng năm 2022.

+ Hợp đồng số 8/2015-HĐ ký ngày 10/12/2015 tại lô B18, khoảnh 3, tiểu khu 195, diện tích 2,80 ha (28.200 m²). Tại vị trí này, năm 2021 bà Nguyễn Thị N đã tự ý khai thác rừng trái pháp luật, chống đối không giao nộp sản phẩm gỗ theo hợp đồng đã ký, chưa thanh lý hợp đồng và tự ý chiếm đất của Công ty trồng rừng năm 2021.

+ Hợp đồng số 14/2017-HĐTR ký ngày 09/02/2017 tại lô D10, khoảnh 3, tiểu khu 195, diện tích 3,80 ha (38.000 m²). Tại vị trí này, năm 2022 bà Nguyễn Thị N khai thác trả sản phẩm, thanh lý hợp đồng nhưng chống đối không ký lại hợp đồng với Công ty L N V N .

+ Diện tích còn lại (24.508,30 m²), bà Nguyễn Thị N đang lấn chiếm tự đầu tư trên đất Công ty L N V N .

Căn cứ biên bản làm việc ngày 10/10/2018 giữa Công ty L N V N , UBND xã H T và Hộ nhận khoán - bà Nguyễn Thị N, tổng diện tích hộ bà Nguyễn Thị N đang canh tác trên đất của Công ty L N V N quản lý là **13,22** ha, trong đó, Công ty dự kiến trả về địa phương 0ha và giữ lại sử dụng sau cổ phần hóa 13,22 ha.

- Diện tích Công ty đã giao khoán bằng các hợp đồng giao khoán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng từ năm 2014 đến năm 2017 là: 10,79ha.

- Diện tích giao khoán thu hồi sản phẩm là: 10,22ha
- Diện tích giao khoán nhưng trừ bỏ khe rãnh, không có khả năng trồng rừng là: 0,57ha.

- Diện tích Công ty L N V N chưa giao khoán (hộ bà Nguyễn Thị N đang lấn chiếm tự đầu tư) là: 2,43ha

- Bà Nguyễn Thị N đã ký biên bản đo đạc chi tiết

Thứ ba, về việc ép ký hợp đồng nhận khoán:

Việc ký hợp đồng trên tinh thần tự nguyện, trong các hợp đồng có nội dung và các điều khoản rõ ràng. Trước khi ký hợp đồng các chủ hộ được đọc kỹ các nội dung và điều khoản trong hợp đồng và các mô hình khoán của Công ty.

- Việc ký hợp đồng với các hộ dân đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự và đều biết chữ nên không có việc ép ký hợp đồng.

Thứ tư, về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Nguyên đơn đưa ra yêu cầu khởi kiện là công nhận quyền sử dụng đối với diện tích 13,22 ha .

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 866776 của Tổng Công ty L N V N được cấp ngày 15/02/2011

- Hủy tất cả các hợp đồng mà nguyên đơn bị ép ký không từ năm 2011

Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị N không xuất trình căn cứ cũng như trong tài liệu kèm theo đơn khởi kiện không có bất kỳ văn bản nào ghi nhận diện tích đất trên thuộc quyền quản lý của bà N. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ.

Tổng Công ty L N V N – Công ty cổ phần đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc công nhận quyền sử dụng diện tích 13,22 ha tại thửa số 30, tờ bản đồ số 1 Xóm B V , xã H T và quyền sở hữu toàn bộ cây trên các diện tích đất đã ký hợp đồng với công ty thuộc về gia đình nguyên đơn.

Tổng Công ty L N V N - Công ty cổ phần có thiện chí hai bên thỏa thuận với nhau. Đối với phần diện tích bà N đang quản lý, sử dụng và phần diện tích đất bà N đã nhận giao khoán với Công ty, phía công ty sẽ vẫn cho tiếp tục quản lý, sử dụng và khai thác nhưng Bà N phải có đơn xin nhận khoán, ký hợp đồng giao khoán, phải nộp sản lượng với công ty theo các mô hình khoán như những hộ khác.

Tổng Công ty L N V N không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, không yêu cầu phản tố đối với yêu cầu giải quyết các Hợp đồng giao khoán đã ký kết với nguyên đơn. Nếu sau này phát sinh tranh chấp liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng giao khoán thì Tổng Công ty L N V N sẽ khởi kiện vụ án riêng.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Mạnh H (con bà N) nhất trí với ý kiến bà N và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N.

Ý kiến của người làm chứng:

+ Ông Phạm Văn T bày: Tôi là Đội trưởng đội sản xuất của Công ty Lâm nghiệp từ năm 2013 đến năm 2021. Liên quan đến việc ký các Hợp đồng giao nhận khoán giữa hộ bà Nguyễn Thị N đã nhận khoán trồng rừng trên diện tích

đất theo Hợp đồng đã ký là đất của Công ty Lâm nghiệp hiện nay. Việc nhận khoán của các hộ dân là tự nguyện, đến thời kỳ khai thác thì nộp sản theo thỏa thuận ký kết trong hợp đồng, không có việc Công ty ép ký hay ký khống với các hộ dân. Nay các hộ cho rằng Công ty ép các hộ ký khống là không đúng.

+ Bà Dương Thị S trình bày tại biên bản lấy lời khai: Đất của bà N bên trong, đất của tôi, năm 2010 hai bên thống nhất nhà bà N bỏ tiền mở con đường đi qua đất nhà tôi vào bãi nhà bà N để khai thác keo, con đường 2 nhà sử dụng chung. Tiền làm đường do bà N mở còn đất là của bà. Tôi được biết bà N đang khởi kiện Tổng công ty Lâm nghiệp đối với diện tích đất gần nhà tôi nhưng giữa nhà tôi với nhà bà N không có tranh chấp. Việc mở đường hai bên cũng không có vướng mắc, tranh chấp gì. Tôi không liên quan đến việc bà N tranh chấp với công ty. Tôi không có yêu cầu gì với các bên trong vụ án. Đề nghị Tòa án không triệu tập tôi vì tôi không liên quan gì đến vụ án. Tôi từ chối tham gia tố tụng (BL 181).

Với nội dung trên tại bản án sơ thẩm số 13/2022/DS - ST ngày 03/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đề nghị Công nhận 13,22 ha đất rừng sản xuất rừng và toàn bộ cây rừng trên đất là của bà, vì vị trí đất được Công ty TNHH H N C đo xác định diện tích đất tranh chấp là **126.708,3 m²** tương đương **12,67** ha đất trồng rừng thuộc thửa số 30 tờ bản đồ số 1, Xóm B V, xã H T, huyện Đ H, tỉnh Thái Nguyên là đất của Tổng Công ty L N V N.

* Phần diện tích đất tranh chấp vị trí tại thửa 30 tờ bản đồ số 1 Xóm B V, xã H T, huyện Đ H, Thái Nguyên, có diện tích 126.708,3m².

+ Phía Bắc: Giáp khe nước, bên kia khe là đất bà Trần Thị N sử dụng;

+ Phía Đông: 1 phần Đông Bắc Giáp đất bà Dương Thị S; 1 phần phía Đông giáp đất bà Nông Thị H; 1 phần phía Đông giáp đất bà Trần Thị N; 1 phần phía Đông giáp đất ông Ngô Thanh H1; 1 phần phía Đông Nam giáp đất ông Lại Khắc A;

+ Phía Nam: 1 phần giáp với đất ông Nguyễn Văn T1, 1 phần giáp đất ông Nguyễn Văn T; 1 phần giáp đất bà Ngô Thị T2;

+ Phía Tây giáp với đất ông Trần Văn T3;

Ranh giới đất tiếp giáp các hộ lân cận đều có đường biên.

(Có bản trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo)

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đề nghị Hủy tất cả các hợp đồng giao nhận khoán mà bà N cho rằng bị ép ký khống từ năm 2011.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đề nghị Hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BA 866776 của Tổng Công ty L N V N được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/2/2011.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị N phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (đã chi phí xong).

5. Án phí: Miễn 49.211.241 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm cho Bà Nguyễn Thị N.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 7/8/2022 Bà Nguyễn Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm hoặc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Nguyên đơn Nguyễn Thị N rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đã được cấp bìa xanh là 6,8ha. Yêu cầu công nhận 6,42ha và giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện khác.

Phía bị đơn công ty Lâm nghiệp Việt Nam- Công ty cổ phần, đại diện theo ủy quyền ông Phạm Huy B, không nhất trí với phần rút một phần yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn trình bày: Đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị N hủy bản án dân sự sơ thẩm số 13 ngày 2/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ H , tỉnh Thái Nguyên. Với lý do: *Cấp sơ thẩm vi phạm về việc thu thập chứng cứ (bản đồ địa chính số 01 xã H T) ; Không đưa UBND tỉnh Thái Nguyên tham gia tố tụng; Không triệu tập UBND xã H T tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng để làm rõ UBND xã H T quản lý đất rừng đến đâu?; Nguyên đơn có yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không chuyển hồ sơ đến Tòa án cấp tỉnh giải quyết là sai thẩm quyền; Không thể hiện diện tích đất tranh chấp nằm tại thửa đất nào; Không giám định hợp đồng giao khoán giữa bà N và Công ty.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị N (về phần cây trên đất). Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ H , tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn kháng cáo trong hạn luật định đã nộp dự phí kháng cáo là hợp lệ được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng: Người làm chứng là ông Phạm Văn T, bà Dương Thị S đã được triệu tập hợp lệ trên 02 lần, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy ông T, bà S đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Căn cứ Điều 229 BLTTDS, xét xử vắng mặt người làm chứng trên.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, lời trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N:

[2.1]: *Về nguồn gốc đất:* Lâm trường Đ H được thành lập ngày 12/01/1973. Năm 1992 Lâm trường Đ H trực thuộc Sở lâm nghiệp Bắc Thái, tổng diện tích đất rừng được giao 13.065ha. Năm 1998 Lâm trường Đ H trực thuộc Tổng Công ty L

N V N quản lý. Năm 1999 được đổi tên Lâm trường Đ H thành Công ty L N V N trực thuộc Tổng Công ty L N V N . Năm 2003 sáp nhập Công ty vận tải và kinh doanh lâm sản Việt Trì vào Công ty L N V N và đổi tên Công ty L N V N thành Công ty V D Thái Nguyên. Năm 2012 sáp nhập Công ty V D Thái Nguyên vào Tổng Công ty L N V N. Tại Quyết định 121/QĐ/HĐTV-TCLĐ ngày 16/03/2012 đã quyết định thành lập Chi nhánh Tổng Công ty L N V N - Công ty L N V N .

[2.1.2]: Năm 1998, theo chủ trương chính sách, bà N được Lâm trường Đ H giao 6,8ha đất rừng sản xuất tại khoảnh 3 tiểu khu 413 thuộc Thôn B V, xã H T, huyện Đ H , tỉnh Thái Nguyên để canh tác và trồng rừng. Diện tích đất giao này được thể hiện thông qua sổ xanh giao đất của Lâm trường Đ H ngày 20/5/1998. Với mỗi 1ha đất rừng được giao, bà N phải trả cho Lâm trường 30.000 đồng (Ba mươi nghìn đồng), tổng cộng là 204.000 đồng cho 6,8ha. Sau khi nhận đất, cùng năm đó gia đình bà có tự ươm cây mỡ để trồng.

[2.1.3]: Theo kết quả đo vẽ của Công ty TNHH H N C đo xác định diện tích đất tranh chấp là **126.708,3m²** thuộc thửa 30 tờ bản đồ số 1 Xóm B V , xã H T, huyện Đ H , tỉnh Thái Nguyên (*Có sơ đồ trích đo hiện trạng kèm theo*) đất được ghi trong GCNQSD đất của Công ty TNHH Một thành viên V D Thái Nguyên đã được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp GCNQSD đất ngày 15/02/2011, số BA 866776 tại thửa 30 tờ bản đồ số 1 có diện tích 6.481.800m² (*Sáu triệu bốn trăm tám mươi mốt nghìn, tám trăm mét vuông*)

[2.1.4]: Như vậy có đủ căn cứ xác định đất có nguồn gốc của Lâm trường Đ H được Nhà Nước giao quản lý để thực hiện việc sản xuất, kinh doanh nghề rừng, có quyết định giao đất với tổng diện tích đất được giao là 13.065ha từ năm 1992. Gia đình bà Nguyễn Thị N cho rằng được nhận đất rừng được cấp bì xanh, tuy nhiên gia đình chỉ được sử dụng và giao nộp sản phẩm cho Công ty, không phải bà được cấp quyền sử dụng đất, Ngoài ra bà N còn đang quản lý, sử dụng khoảng 6,08 ha đất thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 1 và diện tích 1,96 ha thuộc thửa 188, tờ bản đồ số 4 thuộc Xóm B V , xã H T, huyện Đ H , tỉnh Thái Nguyên bà cho là khai phá năm 2006.

[2.1.5]: Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bà N không cung được bất cứ tài liệu gì chứng minh về việc khai hoang đất rừng năm 2006, bà trình bày cũng không đăng ký, kê khai diện tích trên với bất kỳ cơ quan tổ chức nào.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư 52/2014/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thì đất khai hoang là đất đang để hoang hóa, đất khác đã quy hoạch cho sản xuất nông nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Văn bản trả lời của Hạt kiểm lâm Đồng Hỷ, xác định hiện trạng sử dụng đất của 11 hộ gia đình đang tranh chấp trong đó có ông Phương, đều thuộc quy hoạch là đất rừng sản xuất, hiện trạng là rừng trồng. UBND xã H T xác định diện tích đất 11 hộ đang tranh chấp với Tổng Công ty L N V N không nằm trong diện tích đất mà Công ty trả về cho địa phương theo Quyết định 1136/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thu hồi đất. Hồ sơ địa chính các thời kỳ của xã H T không có hồ sơ lưu trữ hay các căn cứ pháp lý về việc công

nhân, nhân dân tự khai hoang diện tích đất rừng. Không có việc người dân đến kê khai hoặc xin được khai hoang đất đối với diện tích đất của 11 hộ đang tranh chấp với Công ty Lâm nghiệp.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ (theo chỉ dẫn của bà N): Diện tích đất bà N đang tranh chấp với Công ty L N V N , qua kết quả đo đạc thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 01 UBND tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty TNHH MTV V D Thái Nguyên nay thuộc Tổng Công ty L N V N – Công ty cổ phần.

Do vậy, bà N cho rằng khai hoang được diện tích đất thuộc diện tích đất do Công ty L N V N quản lý và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2]: Về yêu cầu Tuyên hủy GCNQSD đất của Công ty L N V N – chi nhánh của Tổng Công ty L N V N - Công ty cổ phần. HĐXX thấy:

Trên cơ sở nguồn gốc đất được giao cho Lâm trường Đ H, đến năm 2011 thì Công ty TNHH MTV V D tiến hành làm các thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thấy rằng: Tổng Công ty L N V N được tiếp nhận nguyên trạng Lâm trường Đ H tại Quyết định số 3225/QĐ-UB ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên, diện tích rừng và đất rừng được giao là 13.065ha. Sau đó Lâm trường Đ H được đổi tên thành Công ty L N V N . Ngày 28/01/2003 Công ty L N V N được đổi tên là Công ty V D Thái Nguyên. Sau khi nhận được hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty TNHH MTV V D Thái Nguyên, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tiến hành kiểm tra hồ sơ và hiện trạng sử dụng đất của Công ty, trích lục bản đồ địa chính các thửa đất và Sở Tài Nguyên và Môi trường trình cấp có thẩm quyền là UBND tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Một thành viên V D Thái Nguyên là đúng quy định của pháp luật. Như vậy không có căn cứ hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND tỉnh Thái Nguyên đã cấp cho Công ty TNHH một thành viên V D Thái Nguyên như cấp sơ thẩm nhận định là có căn cứ.

[2.3]/Về yêu cầu của bà N đề nghị Tòa án Tuyên hủy tất cả các bản hợp đồng bà đã ký với Công ty L N V N từ năm 2011 là vô hiệu do bị lừa dối, bị ép ký không. HĐXX thấy:

[2.3.1]: Về hồ sơ giao đất giao rừng mang tên Nguyễn Thị N do Lâm trường Đ H, Thái Nguyên cấp ngày 20/5/1998 có Quyết định giao đất giao rừng diện tích 6,8 ha; Biên bản bàn giao rừng và đất rừng; Đơn xin nhận đất, nhận rừng để quản lý và sử dụng có chữ ký của bà N. Sau đó bà Nguyễn Thị N tiếp tục ký các Hợp đồng giao nhận khoán cụ thể là: Hợp đồng số 13/2014-HĐ ký ngày 04/02/2014 tại lô A9, A17, khoảnh 3, tiểu khu 195, diện tích 3,62 ha (36.200 m²); Hợp đồng số 8/2015-HĐ ký ngày 10/12/2015 tại lô B18, khoảnh 3, tiểu khu 195, diện tích 2,80 ha (28.200 m²); Hợp đồng số 14/2017-HĐTR ký ngày 09/02/2017 tại lô D10, khoảnh 3, tiểu khu 195, diện tích 3,80 ha (38.000 m²).

[2.3.2]: Những Hợp đồng giao nhận khoán của bà N ký với Công ty Lâm nghiệp năm 2014, 2015, 2017 đều dựa trên cơ sở của Đơn xin nhận khoán; các Hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng do bà Nguyễn Thị N trực tiếp ký với Công ty Lâm nghiệp đều có xác nhận của UBND xã H T, huyện Đ H , tỉnh Thái Nguyên.

[2.3.3]: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N thừa nhận tất cả các hợp đồng giao khoán đúng là chữ ký của bà nhưng là do bị ép ký, bị công ty cho ký khống, hợp đồng không ghi số lô, số thửa. Tại cấp sơ thẩm Bà N và người bảo vệ quyền lợi của bà yêu cầu giám định tuổi mực nhưng bà không cung cấp được chứng cứ về việc bị ép ký hoặc bị ký khống. Hơn nữa ngoài việc bà trực tiếp ký Hợp đồng giao nhận khoán với Công ty Lâm nghiệp, bà còn trực tiếp ký vào đơn xin nhận khoán của các năm 2012, 2014, 2015, 2017 và các phiếu nghiệm thu chăm sóc bảo vệ rừng nguyên liệu của các năm ký hợp đồng.

[2.3.4]: Như vậy việc ký Hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng giữa bà N với Công ty Lâm nghiệp là hoàn toàn tự nguyện giữa bên có đất để giao khoán và bên nhận khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng, không vi phạm các điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên các Hợp đồng đã ký là hợp pháp. Từ khi bà N ký Hợp đồng nhận khoán và ký các năm tiếp theo với Công ty Lâm nghiệp, bà không có ý kiến thắc mắc gì. Khi khởi kiện ra Tòa bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh bị ép ký, bị ký khống vào các hợp đồng giao nhận khoán với Công ty, lời trình bày của bà không có căn cứ, mặt khác ông Phạm Văn T, là đội trưởng đội sản xuất lâm nghiệp của Công ty L N V N thời điểm từ năm 2013-2021 khai: “*Liên quan đến việc ký các hợp đồng giao nhận khoán giữa hộ ông (bà) Bàn Phúc Thắng (Đàm Thị Huân) đã nhận khoán trồng rừng trên diện tích đất theo hợp đồng là đất của Công ty Lâm nghiệp hiện nay. Việc nhận khoán của các hộ dân là tự nguyện, đến thời kỳ khai thác thì nộp sản theo thỏa thuận ký kết trong hợp đồng, không có việc Công ty ép ký hay ký khống với các hộ dân. Nay các hộ dân cho rằng Công ty ép các hộ ký khống là không đúng*”. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận nội dung yêu cầu hủy các hợp đồng giao khoán giữa bà N và Công ty Lâm Nghiệp và yêu cầu giám định hợp đồng giao khoán của nguyên đơn.

[2.4] Bà N trình bày bà mở và tu sửa con đường trong diện tích tranh chấp trị giá 400.000.000đ(*Bốn trăm triệu đồng*).

Theo bản trích đo hiện trạng xác định diện tích con đường là 7.425,7m² nằm trong diện tích **126.708,3m²**. Tại phiên tòa phía bị đơn trình bày: Con đường đi vào thửa đất có từ trước, đã qua nhiều lần khai thác rừng, xe chở gỗ vẫn đi trên con đường đó nên không đồng ý với ý kiến của Nguyên đơn về việc đầu tư mở đường.

Bà N khai đất là của bà được Lâm trường Đ H giao năm 1998 và đất bà khai hoang có diện tích **126.708,3m²**, con đường nằm trong diện tích đất bà tự mở để phục vụ cho việc vận chuyển gỗ, việc làm đường chỉ thuê máy xúc mức, gạt đất chứ không có giấy tờ về việc mua nguyên vật liệu nên bà không yêu cầu HĐXX xem xét. Do bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

[2.5] Xác định toàn bộ cây rừng trên đất thuộc quyền sở hữu của bà, bà có toàn quyền quản lý, khai thác và hưởng giá trị sản phẩm mang lại trên đất.

[2.5.1]: Như đã phân tích tại mục [4] thì các hợp đồng giao khoán giữa bà N và phía bị đơn có hiệu lực pháp luật, cho nên, số cây trồng trên diện tích **10,79 ha** tại thửa số 30 tờ bản đồ số 1, xã H T do bà N đã ký Hợp đồng giao khoán trồng rừng với Công ty chưa đến thời kỳ khai thác theo thời hạn ghi trong hợp đồng thì bà vẫn phải thực hiện quyền và nghĩa vụ với Công ty theo hợp đồng đã ký kết.

Đối với cây trồng trên diện tích của Công ty mà bà N đã ký Hợp đồng giao khoán trồng rừng với Công ty và đã khai thác xong nhưng không thực hiện nghĩa vụ với Công ty theo các điều khoản của hợp đồng đã ký kết mà vẫn tiếp tục trồng mới thì phải khai thác, thu hoạch cây cối trên đất trả lại đất cho Tổng Công ty.

[2.5.2]: Số cây trên diện tích **1,88ha** tại thửa số 30 tờ bản đồ số 1, xã H T ngoài giao khoán bà Nguyễn Thị N đang lấn chiếm tự đầu tư trên đất Công ty L N V N , bà N tự đầu tư trồng, khi trồng Công ty không có ý kiến gì, tại phiên tòa phúc thẩm phía Công ty xác định số cây trên là của gia đình bà N. Nên bà N có quyền khai thác toàn bộ cây trên khi đến chu kỳ để trả lại đất cho Công ty, nếu không có thỏa thuận khác.

[3]: Về nội dung phía nguyên đơn và Luật sư của nguyên đơn cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết khi có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là trái thẩm quyền và không đưa UBND tỉnh Thái Nguyên tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. HĐXX thấy: Ngày 23/12/2019 ông Đặng Văn Nguyên khởi kiện Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần yêu cầu công nhận diện tích đất do Lâm trường giao và đất gia đình ông khai khẩn, ngoài ra còn yêu cầu tuyên hủy những GCNQSD đất của Công ty Lâm nghiệp Việt Nam. Với nội dung yêu cầu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ và xác định không có căn cứ rõ ràng quyết định các quyết định cá biệt ban hành là trái pháp luật; UBND tỉnh Thái Nguyên có văn bản xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam là không trái pháp luật, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chuyển thẩm quyền đến tòa án nhân dân cấp tỉnh, không triệu tập UBND tỉnh tham gia tố tụng và tiếp tục giải quyết là không trái với quy định của pháp luật cũng như giải đáp số 02/2016 và giải đáp số 01/2017 của Tòa án nhân dân Tối Cao.

[4]: Đối với yêu cầu đưa UBND xã H T tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng. HĐXX thấy rằng: UBND xã H T là cơ quan hành chính nhà nước, quá trình giải quyết vụ án UBND đã có văn bản trả lời, xác định đất tranh chấp giữa các hộ dân. Do vậy, việc đưa UBND xã H T tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng là không phù hợp và cần thiết.

[5]: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà N có nộp một bản vi bằng nội dung phóng sự, theo bà N trình bày kênh của truyền hình nhân dân, nội dung liên quan đến việc giao đất giao rừng và ý kiến của ông trưởng phòng TNMT huyện Đ H và ông Nguyễn Phó chủ tịch xã H T, thấy rằng đây chỉ là tài liệu tham khảo, vì tài liệu trong hồ sơ thể hiện tại biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất 24/12/2010 thành phần gồm có Văn phòng ĐK quyền sử dụng đất, đại diện UBND xã H T, Công ty V D ... đã xác định vị trí, diện tích đất cụ thể.

[6] Từ những phân tích nêu trên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của nguyên đơn cũng như ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

[7] Như vậy, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện vụ án, đánh giá đầy đủ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, để từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với thực tế và được chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bác phần cây trên đất ngoài giao khoán

của phía nguyên đơn là chưa phù hợp, nên HĐXX cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ H , tỉnh Thái Nguyên.

[8] Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà N là người cao tuổi nên căn cứ điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 5, 6, 7, 9, 51, 52, 75, 103, 104, 105, 107, 122, 123 Luật đất đai năm 2003; Điều 99, 203 Luật đất đai năm 2013; Các Điều 400, 401, 483, 484, 485, 486, 487, 488, 489, 490, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật Lâm nghiệp năm 2017; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định 01/CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ về việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, Lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp Nhà nước; Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ quy định về việc giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông, lâm trường quốc doanh; Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 1991; Nghị định số 17/HĐBT ngày 17/01/1992 về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng; Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

I. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, sửa bản án sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 03/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ H , tỉnh Thái Nguyên. Cụ thể:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đề nghị Công nhận 13,22 ha đất rừng sản xuất rừng (Đo xác định diện tích đất tranh chấp là **126.708,3 m²** tương đương **12,67 ha** đất trồng rừng) đất đã được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Một thành viên V D Thái Nguyên, Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BA 866776 thửa đất số 30; tờ bản đồ số 1; diện tích 6.481.800 m²; mục đích sử dụng: đất rừng sản xuất; Thời hạn sử dụng 15/10/2043.(có sơ đồ kèm theo)

2. Phần cây trên diện tích đất 10,79ha tại thửa số 30 tờ bản đồ số 1, xã H T (phần đất có hợp đồng giao khoán với công ty) thực hiện theo hợp đồng giao khoán giữa gia đình bà N và Công ty. Nếu có tranh chấp thì được khởi kiện vụ án khác.

2. Phần cây trên diện tích 1,88ha (đất không có hợp đồng giao khoán) tại thửa số 30 tờ bản đồ số 1, xã H T, khi đến chu kỳ thu hoạch thì bà N được quyền thu hoạch để trả lại đất cho Công ty, nếu các bên không có thỏa thuận khác.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đề nghị Hủy tất cả các hợp đồng giao nhận khoán mà bà N cho rằng bị ép ký không từ năm 2011.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đề nghị Hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BA 866776 của Tổng Công ty L N V N được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/2/2011.

5. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị N phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (đã chi phí xong).

6. Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị N.

II. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Đ H ;
- Chi cục THADS huyện Đ H ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Lý

